

CÁI BÈO - VĂN HÓA BIỂN TIỀN SỬ

đặc sắc trên đảo Cát Bà

PGS.TS. NGUYỄN KHẮC SỬ *

1. Di chỉ Cái Bèo ở đảo Cát Bà

Hơn 70 năm trước, năm 1938, cùng con thuyền nhỏ lênh đênh trên biển, nhà khảo cổ người Pháp là bà M. Colani đã phát hiện di chỉ Vịnh Làng Chài "Baie de Pêcheurs" ở phía Nam đảo Cát Bà (Colani 1938: 94, 1939: 12). Ngày nay, di chỉ mang tên gọi mới là Cái Bèo, ở phía Đông thị trấn Cát Bà, có tọa độ: 20043'43" vĩ Bắc và 1070 03'25" kinh Đông, rộng 18.000m², cao trung bình 4m so với mặt nước biển.

Ba mặt di chỉ được ôm bởi dãy núi Long Nhan, phía trước là vùng biển, nước trong xanh, kín gió. Xung quanh di chỉ là những vạt rừng thưa, nhiều thú, lắm loài thảo mộc, dưới biển có nhiều tôm, cá. Cát Bà là một quần đảo với 366 hòn đảo lớn nhỏ. Địa hình nơi đây là đồi núi thấp, cao trung bình 50- 100m, cấu tạo chủ yếu là núi đá vôi có tuổi Carbon- Permi. Đáy biển quanh quần đảo sâu trung bình 5- 10m, tối đa 39m. Đảo Cát Bà được ví như một "con đập" tự nhiên, ngăn không cho phù sa và chất thải từ các cửa sông xâm nhập vào vịnh Hạ Long, làm cho nước nơi đây sạch, độ mặn cao. Khí hậu ngoài đảo mát về mùa hè, ấm về mùa đông; biên độ dao động nhiệt giữa ngày và đêm thấp; độ ẩm cao. Giới động, thực vật trên rừng và dưới biển Cát Bà phong phú, đa dạng, với

nhiều loài quý hiếm. Thiên nhiên đã qui tụ về đây đẹp về cảnh quan, tiện lợi về địa thế, phong phú về sản vật. Đó là điều kiện lý tưởng khiến cư dân cổ Cái Bèo cư trú lâu dài và tạo ra nền văn hoá đặc sắc.

2. Di chỉ Cái Bèo sau bốn lần khai quật

Lần khai quật thứ nhất vào năm 1973, ở trung tâm di chỉ, với diện tích 221m² (Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Khắc Sử 2005: 274); lần thứ hai (năm 1981) ở phía Đông Bắc di chỉ, với diện tích 78m² (Lưu Trần Tiêu, Trịnh Căn 1983:14); lần thứ ba (năm 1986), ở Tây Bắc di chỉ với diện tích 90m² (Nguyễn Văn Hảo, nnk 2005: 359); lần thứ tư (năm 2006) với diện tích 54m² (Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn 2007).

Kết quả khai quật cho thấy, Cái Bèo là di chỉ có quy mô lớn, địa tầng dày, tổ hợp di vật phong phú, phản ánh hai giai đoạn phát triển sớm và muộn của Thời đại Đá mới ở Việt Nam:

2.1. Giai đoạn sớm, ở độ sâu từ 2,4m đến 3,2m, công cụ lao động chủ yếu là đá cuội ghè đẽo, tạo ra các loại hình: mũi nhọn, nạo hình đĩa, rìu ngắn, rìu hình bầu dục, rìu có vai mài bộ phận; hòn kê, chày, bàn nghiền; đá mài lõm đôi "Dấu Bắc Sơn", đá đục lỗ tròn kiểu "Lỗ vữa Hòa Bình". Đồ gốm thô, thành dày, nặn tay, vân in dấu đan là chính. Trong lớp này còn tìm được rất nhiều xương cá biển, cá lớn, có con nặng tới hàng tạ; vỏ các loại nhuyễn thể biển như: sò,

hàu và ngao. Những vết tích văn hóa này khác Hạ Long và cổ hơn văn hóa Hạ Long; xác lập sự hiện diện của văn hóa Cái Bèo niên đại Trung kỳ đá mới. Tuổi C14 lớp dưới di chỉ Cái Bèo (ở độ sâu 2,4m) là 6.475 cộng/trừ 170 năm BP (cách ngày nay). Nếu tính đến lớp sâu nhất, cổ nhất của địa tầng, thì văn hóa Cái Bèo có tuổi 7.000- 5.000 năm BP (Nguyễn Khắc Sửu 1995: 6).

Văn hóa Cái Bèo tồn tại trong thời điểm biển tiến Holocene trung, vịnh Hạ Long chính thức được hình thành (Trần Đức Thạnh 2003: 45). Băng tan từ hai cực, nước biển dâng, khí hậu ấm lên, cư dân văn hoá Cái Bèo chuyển từ hang động ra sống ngoài trời và bắt đầu các hoạt động khai thác biển. Tại di chỉ Cái Bèo đã tìm thấy bếp, xương cá biển, vỏ các loài nhuyễn thể biển; những "chì lưới" bằng đá; những viên cuội có vết nghiền, đập gia công cây cho sợi; những dấu vết sợi thừng lặn trên gổm hay dấu nan đan nong mốt, nong đôi, nong thúng, nong thuyền trên mặt gổm thỏ. Có thể nói, Cái Bèo là một làng chài cổ với quy mô lớn, dân cư khá đông đúc, định cư ven biển, sử dụng lưới vó, vận hành bằng thuyền mảng, đánh bắt cá biển và gia công thực phẩm tại nơi cư trú- một mô thức sống đặc trưng của làng chài biển đảo.

Mô thức này hoàn toàn khác với cư dân cùng bình tuyến sau Hoà Bình (Post-hoabinhian) ở Việt Nam là văn hoá Đa Bút (Thanh Hoá, Ninh Bình) và văn hoá Quỳnh Văn (Nghệ An, Hà Tĩnh). Như chúng ta đều biết, cư dân văn hoá Đa Bút ở giai đoạn sớm (7.000- 5.000 năm) khai thác hến ở sông, sang giai đoạn muộn (5.000- 3.500 năm) mới khai thác biển ở Gò Trũng (Thanh Hoá) và Tam Điệp (Ninh Bình). Cư dân văn hoá Quỳnh Văn (5.000- 3.500 năm) chủ yếu khai thác sò, điệp ở đới ven bờ biển. Trong khi đó, cư dân Cái Bèo định cư trên đảo, đánh cá biển liên tục từ 7.000 đến 5.000 năm BP.

Có thể nói, sự biệt lập tương đối về địa vực cư trú, khác biệt về mô thức sống của ba văn hoá nói trên là tiền đề dẫn đến sự khác biệt về kỹ thuật chế tác công cụ đá, về sản phẩm làm gổm của các trung tâm và về mức độ phát sinh nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi của từng bộ

lạc thời Trung kỳ Đá mới. Khúc mở đầu cho cuộc "Cách mạng Đá mới" trong Tiến sử Việt Nam thật đa sắc (Nguyễn Khắc Sửu 1997: 20).

2.2. Giai đoạn muộn, ở độ sâu từ 2,4m trở lên, với sự bảo lưu một ít công cụ đá từ giai đoạn sớm, song phổ biến là riu tứ giác, riu có vai, bôn tứ giác, bôn có nấc, bôn có vai có nấc, đục mài toàn thân; bàn mài dấu lõm hình thuyền, dấu lõm hình riu, bàn mài rãnh mặt cắt chữ "U", vòng tay. Ngoài đồ gốm giai đoạn trước, xuất hiện thêm gốm xốp, với các loại hình chậu, bình, vò, nôi; trang trí hoa văn dấu thừng, văn đám thềm, trở lỗ thủng và khắc vạch các đường cong, đoạn thẳng, sóng nước hình chữ "S". Tổ hợp di vật này mang đặc trưng văn hóa Hạ Long hay văn hóa Đanh Đô La, thuộc Hậu kỳ Đá mới (Andersson, 1939).

Có ý kiến cho rằng, chủ nhân của văn hóa Hạ Long là những thương nhân, các di chỉ khảo cổ là những thương điểm. Họ là những thương nhân người Mãn Châu và người Mông Cổ vượt biển đến các thương điểm này để bán những chiếc bôn có nấc và đồ gốm có văn đắp thêm hình rắn, để mua các sản vật của địa phương như chuối, cau, da cá, đá quý, mắt rắn, dược liệu và quạt. Những rãnh ngang dọc hay "dấu Hạ Long" là các số đếm, là vật trung gian, ngang giá đã giúp cho việc trao đổi ấy (Colani 1939: 17). Sau khai quật di chỉ Cái Bèo, chúng ta có thể khẳng định, văn hoá Hạ Long có nguồn gốc bản địa, từ lớp dưới văn hoá Cái Bèo (Nguyễn Khắc Sửu 1986: 17).

Cư dân văn hoá Hạ Long sống trong môi trường biển, chứng kiến sự giao động của mực nước biển: từ 6.000 đến 4.000 năm, mực nước hạ thấp từ 2,5m đến 4m; để rồi dâng cao trở lại +3m đến +3,5m vào 3.000 năm BP (Trần Đức Thạnh 2003: 47). Sự thay đổi mực nước dẫn đến thay đổi khí hậu, đất đai bị mặn hóa, chua phèn, ngập lụt, bất lợi cho trồng trọt. Phần lớn các di tích văn hoá Hạ Long có diện tích nhỏ, ít tìm thấy xương động vật, khiến người ta nghĩ đến một phương thức sinh hoạt khác là trên thuyền, bè mảng hoặc nhà sàn trên mặt nước. Cư dân thời này rất giỏi về kỹ thuật chế tác công cụ đá, làm gổm, trồng cây lấy sợi và tích lũy kinh nghiệm đi biển, đánh bắt hải sản, trao

đổi hàng hóa, sản vật với lục địa và các đảo xa. Những dấu ấn văn hoá Hạ Long ở vùng núi, đồng bằng, ven biển Bắc Bộ, ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á hải đảo đã nói lên điều đó.

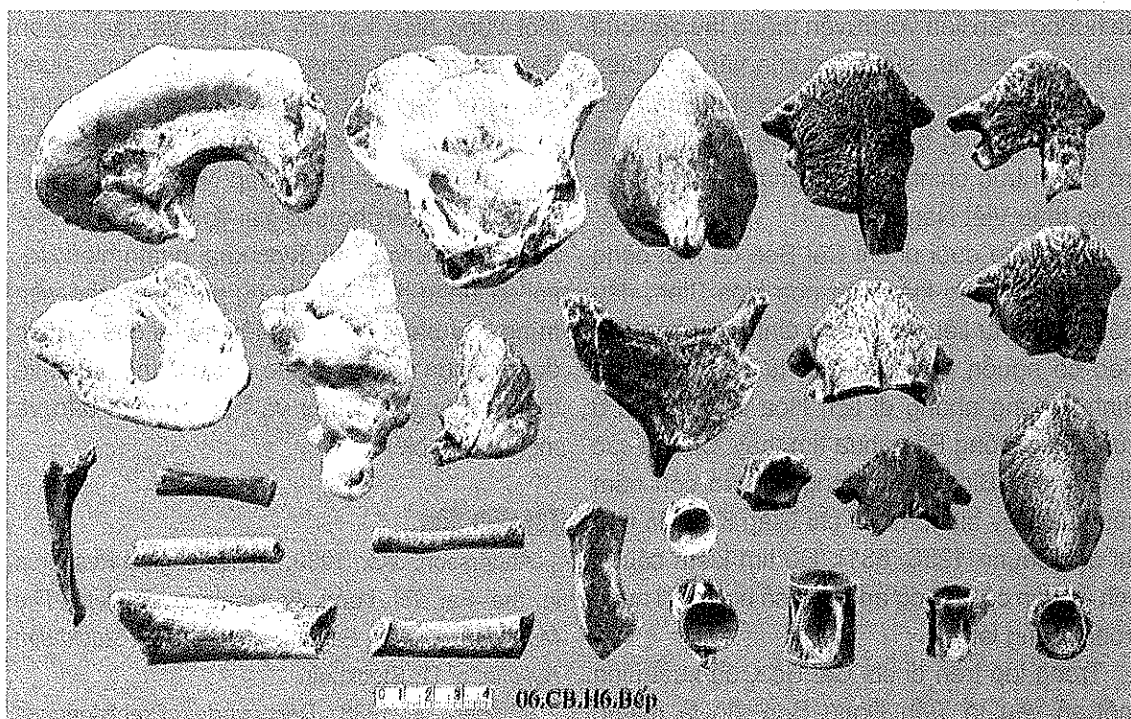
3. Di chỉ Cái Bèo trong Tiền sử khu vực

3.1. Di chỉ Cái Bèo có vị trí quan trọng trong Tiền sử đảo Cát Bà, đã khỏa lấp vào 2 khoảng trống trong 4 giai đoạn Tiền sử của hòn đảo xinh đẹp này: Giai đoạn cổ nhất với sự hiện diện của các di tích cổ sinh hoá thạch: hang Đá Trắng, niên đại cách nay trên 30 vạn năm. Giai đoạn hai là các di tích Hậu kỳ Đá cũ - sơ kỳ Đá mới, tiêu biểu là hang Áng Mả (niên đại C14 là 25.510 cộng/trừ 220 BP) và Mái đá Ông Bảy (16.630 cộng/trừ 120 năm BP) lúc đó đảo Cát Bà còn gắn liền với lục địa. Giai đoạn ba, hình thành văn hoá Cái Bèo, tồn tại trong khung thời gian 7.000 - 5.000 năm BP, tiêu biểu là các di tích Cái Bèo (lớp dưới) ở hang Eo Bùa và hang Tùng Bồ. Niên đại C14 ở Cái Bèo (độ sâu 2,4m) là 6.475 cộng/trừ 170 năm. Đây là giai đoạn biển tiến, đảo Cát Bà tách khỏi lục địa, con người bắt đầu rời hang, cư trú ngoài trời, triển khai các hoạt động đánh bắt cá biển. Giai

đoạn bốn, hình thành và phát triển văn hoá Hạ Long, tiêu biểu là các di tích Cái Bèo (lớp trên), Cát Đồn và Bãi Bến, niên đại 5.000- 3.500 năm BP (niên đại C14 Bãi Bến: từ 3.180 cộng/trừ 50 năm BP đến 4.070 cộng/trừ 50 năm BP). Đây là giai đoạn văn hoá biển, con người định cư, nông nghiệp trồng trọt.

3.2. Di chỉ Cái Bèo đã đóng góp quan trọng vào sự hình thành và phát triển của Văn hoá biển Tiền sử Việt Nam, văn hoá của cư dân tiền sử sống trong môi trường biển, khai thác biển và để lại các di sản văn hóa biển. Nếu như cư dân sơ kỳ Đá mới: văn hoá Hoà Bình- Bắc Sơn mới tiếp cận biển, thì phải đến các văn hoá Cái Bèo, Đa Bút và Quỳnh Văn được xem là giai đoạn hình thành văn hoá Biển. Các văn hoá kế tiếp sau đó là Hạ Long, Hoa Lộc, Bàu Tró, Xóm Cồn thật sự là các văn hoá biển đặc trưng, với tầm lan toả rộng từ Bắc Bộ vào tới Nam Trung Bộ. Và cuối cùng, các văn hoá biển này hội nhập với các văn hoá khác ở lục địa, tạo dựng nên 2 nền văn hoá nổi tiếng là văn hoá Đông Sơn và văn hoá Sa Huỳnh.

Mối quan hệ tương tác giữa biển- con người- văn hoá tiền sử Việt Nam được thể hiện rất rõ



Di vật khai quật tại di chỉ Cái Bèo - Ảnh: Tác giả

khí con người khai thác biển, đã tạo nên một bước ngoặt, một lối rẽ hay một khuynh hướng phát triển đa vùng, đa tuyến, đa trung tâm; để rồi giao thoa, tiếp biến và hội nhập thống nhất trong đa dạng của cơ tầng văn minh Việt cổ, nhưng vẫn luôn mở rộng cửa đón nhận và làm phong phú thêm bản sắc văn hoá Việt Nam.

Nếu như cư dân văn hoá Đa Bút tiền phong khai phá đồng bằng ven biển đang trong quá trình hình thành, cư dân văn hoá Quỳnh Văn còn định cư ở vùng ven biển, thì người Cái Bèo đã bỏ qua đồng bằng, tiến thẳng ra biển, làm nên một văn hoá biển thực sự. Việc chiếm cư ấy đã đánh dấu sự thay đổi căn bản hệ sinh thái nhân văn, khai mở tiền đề giao lưu núi-biển, biển- biển trong tiền sử Việt Nam.

3.3. Phải đến thời đại Đồng thau, các nền văn hoá tiền sử mới phát triển tương đối đồng đều giữa các khu vực. Vai trò của đồng bằng châu thổ- vùng đệm giao thoa văn hoá giữa vùng biển và vùng núi là hết sức quan trọng. Ngoài ra còn phải kể đến vai trò của các dòng sông và hướng núi tạo ra mối liên hệ dọc núi-biển hết sức rõ nét; còn mối quan hệ ngang núi- núi vẫn mờ nhạt. Dấu sao cũng phải ghi nhận, đó là mối giao lưu văn hoá đa phương, đa hướng, gắn liền với truyền thống lâu bền của văn hoá miền núi, sức sống của văn hoá biển và tiềm năng mới của đồng bằng châu thổ. Yếu tố văn hoá đồng bằng châu thổ nhanh chóng trở thành trục chính cho sự phát triển thời đại Đồng thau Việt Nam.

Trong lớp dưới di chỉ Cái Bèo có mặt công cụ cuội ghè đẽo kiểu văn hóa Hòa Bình, dấu Bắc Sơn là tư liệu để khẳng định Văn hóa Cái Bèo có nguồn gốc bản địa, từ văn hóa Hòa Bình. Nhưng những di tích Hòa Bình muộn ở vùng biển Đông Bắc chưa tìm thấy. Có thể các di tích Hòa Bình hang động ấy vẫn còn nằm sâu dưới đáy biển, mà di chỉ Giáp Khẩu là một thí dụ (Saurin 1956: 581). Để tìm kiếm các di tích ấy cần có một dự án khảo cổ học dưới nước trong tương lai.

Trong lớp trên di chỉ Cái Bèo, đã xuất hiện một số yếu tố Tiền Đông Sơn, đó là những chiếc chạc gốm kiểu Phùng Nguyên (Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Khắc Sửu 2005: 308), ở di

chỉ Bãi Bền đã tìm thấy hàng vạn mũi khoan kiểu Tràng Kênh (Nguyễn Kim Dung 2005a: 391; 2005b: 420), cũng trong di chỉ Cát Đồn xuất hiện gốm văn ấn răng sò điển hình của văn hoá Hoa Lộc (Nguyễn Kim Dung, nnk 2005: 459). Sự xâm nhập một số yếu tố văn hoá Tiền Đông Sơn ở châu thổ Bắc Bộ vào các di tích đá mới làm chúng ta liên tưởng đến sự chuyển giao công nghệ tiên tiến thời đó cho ngư dân trên đảo Cát Bà. Trên cơ tầng văn hoá Hạ Long, nền văn minh Việt cổ đã bám rễ vào, tạo ra sắc màu văn hoá Đông Sơn biển Việt Nam.

Di chỉ Cái Bèo là linh hồn của văn hóa biển Tiền sử Việt Nam, có giá trị quan trọng trong nghiên cứu lịch sử- văn hóa dân tộc. Do tính chất đặc biệt của di chỉ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xếp hạng Di tích cấp Quốc gia cho di chỉ Cái Bèo, tại Quyết định số 316/QĐ-BVHTTDL, ngày 22 tháng 1 năm 2009. Đây là niềm tự hào của nhân dân trên đảo và trách nhiệm to lớn của những người quản lý văn hóa Hải Phòng trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa đặc sắc của di tích.

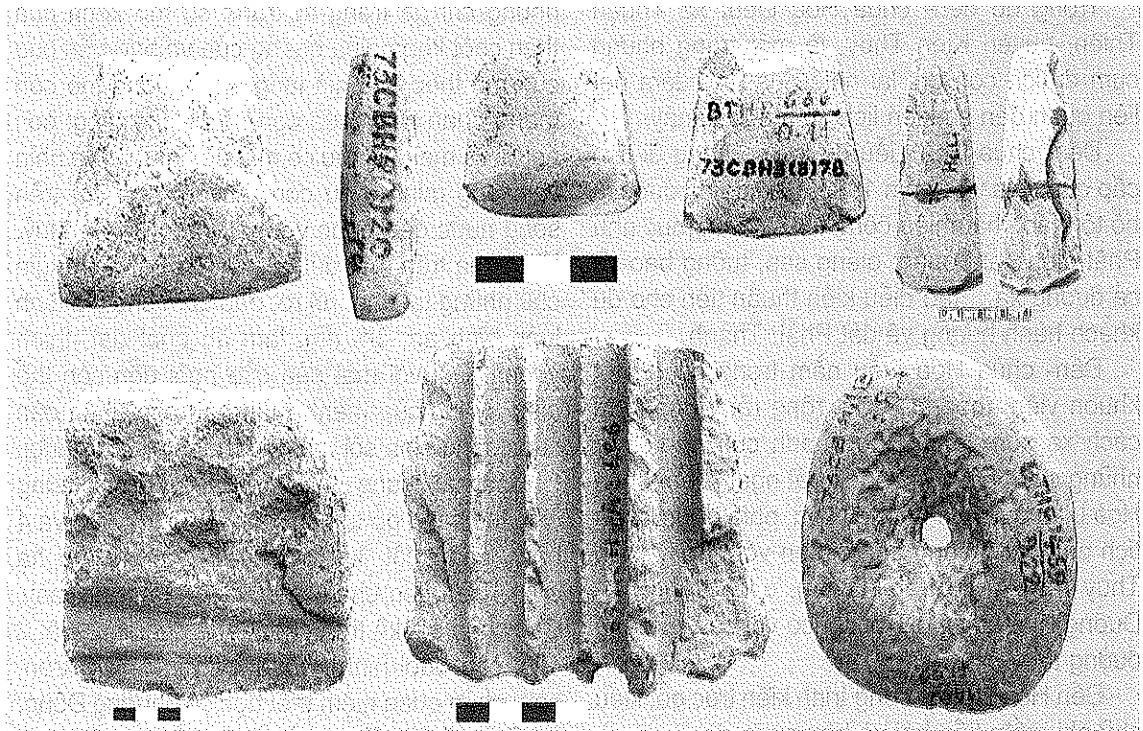
Chúng tôi cho rằng, khu di tích này hội đủ các điều kiện để xây dựng bảo tàng ngoài trời: Một vụng biển kín gió, địa thế và cảnh quan đẹp, thêm biển rộng, vụng biển nông, nước xanh trong; không xa các khu vui chơi giải trí trên đảo. Di chỉ có địa tầng văn hoá dày, nguyên vẹn, với nhiều lớp văn hoá kế tiếp nhau, tiêu biểu cho các giai đoạn tiền sử ở Việt Nam và khu vực; lại được khai quật nhiều lần, với số lượng hiện vật phong phú, giúp cho việc trưng bày bảo tàng biển tiền sử tại chỗ; có tác dụng rất lớn đến việc giáo dục cho thế hệ trẻ về truyền thống văn hóa và trách nhiệm bảo vệ môi trường biển./

N.K. &

Tài liệu dẫn

1- Andersson, J.G., 1939, Archaeological Research in the Fai Tsi Long Archipelago, Tonkin, *The Museum of Far Eastern Antiquities Stockholm Bulletin*, n° 11, Stockholm.
 2- Colani, M. 1938, Découvertes Préhistoriques dans les parages de la Baie d'Along, *Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme*, 1: 93-96.

- 3- Colani, M. 1939, Recherches préhistoriques en Baie d'Along, *Cahiers de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*, 14: 12- 19.
- 4- Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Khắc Sử 2005, Báo cáo khai quật di chỉ Cái Bèo (Hải Phòng) năm 1973, Trong *Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc*, Nxb.KHXH, Hà Nội: 274 - 340.
- 5- Lưu Trần Tiêu, Trịnh Căn 1983, Trở lại di chỉ Cái Bèo: Kết quả và nhận thức, *Thông báo khoa học*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, số 1- 1983: 14- 24.
- 6- Nguyễn Khắc Sử 1986, Di chỉ Cái Bèo với tiền sử vùng ven biển Đông Bắc Việt Nam, *Trong Khảo cổ học*, số 2- 1986: 17- 26.
- 7- Nguyễn Khắc Sử 1995, Biển với cư dân tiền sử vùng Đông Bắc, *Trong Khảo cổ học*, số 4- 1995: 6- 4.
- 8- Nguyễn Khắc Sử 1997, Văn hoá biển tiền sử Việt Nam- một mô hình giả thiết, *Trong Khảo cổ học*, số 3- 1997: 16- 28.
- 9- Nguyễn Khắc Sử 1998, Dân số học tiền sử - một tiếp cận mới của khảo cổ học Việt Nam, *Trong Khảo cổ học*, số 4- 1997: 3- 15.
- 10- Nguyễn Khắc Sử (chủ biên) 2005, *Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
- 11- Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn 2007, Báo cáo khai quật di chỉ Cái Bèo, đảo Cát Bà (Hải Phòng) năm 2006, Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- 12- Nguyễn Kim Dung 2005a, Báo cáo khai quật di chỉ - xưởng Bãi Bến (Hải Phòng) năm 1999, *Trong Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc*, Nxb. KHXH, Hà Nội: 391- 419.
- 13- Nguyễn Kim Dung 2005b, Báo cáo khai quật di chỉ - xưởng Bãi Bến (Hải Phòng) năm 2001, *Trong Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc*, Nxb. KHXH, Hà Nội: 420- 448.
- 14- Nguyễn Kim Dung và nnk 2005, Báo cáo khai quật di chỉ Cát Đồn (Hải Phòng) năm 2003, *Trong Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc*, Nxb. KHXH, Hà Nội: 449- 474.
- 15- Nguyễn Văn Hảo và nnk 2005, Báo cáo khai quật di chỉ Cái Bèo (Hải Phòng) năm 1986, *Trong Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc*, Nxb. KHXH, Hà Nội: 359- 386.
- 16- Trần Đức Thanh 2003, *Lịch sử địa chất Vịnh Hạ Long*, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long xuất bản.
- 17- Saurin, E. 1956, Outillage hoabinhien à Giáp Khâu, Port-courbet (Nord Viet Nam), *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*, 48 (2), 581- 592.



Di vật khai quật tại di chỉ Cái Bèo - Ảnh: Tác giả